TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1315/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm.

2. Ông Lê Thức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn An Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2019/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Bửu T, sinh năm 1988; địa chỉ: 129/9 Đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Võ Quí H, sinh năm 1987; địa chỉ: 160 Đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Lưu Bửu T trình bày:

Ông và bà Võ Quí H sống chung vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H Quận T. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do bà H lo ăn chơi không chăm lo con cái, gia đình. Ông đã khuyên nhủ nhiều lần bà H vẫn không thay đổi. Ông bà đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay ông đã không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lưu Kiều Bảo T, sinh ngày 25/7/2013 và Lưu Kiều Bảo Q, sinh ngày 10/6/2015. Ông sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn bà Võ Quí H: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà H không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Lưu Bửu T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn ông Lưu Bửu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn bà Võ Quí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc ông Lưu Bửu T và bà Võ Quí H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12 Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 89 đăng ký ngày 08/8/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của ông T xin được ly hôn với bà H do ông T không còn tình cảm với bà H, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H nhiều lần đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông T nhưng bà H không đến. Chứng tỏ bà H thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có có hai con chung tên Lưu Kiều Bảo T, sinh ngày 25/7/2013 và Lưu Kiều Bảo Q, sinh ngày 10/6/2015. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi ông T có yêu cầu.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Bửu T được ly hôn với bà Võ Quí H.

2. Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có có hai con chung tên Lưu Kiều Bảo T, sinh ngày 25/7/2013 và Lưu Kiều Bảo Q, sinh ngày 10/6/2015. Ông Lưu Bửu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà H được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi ông T có yêu cầu.

Bà H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019427 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông T đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nhã